

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2010/TT-BGTVT)

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Điều tiết không chế đảm bảo giao thông là việc tổ chức hướng dẫn phương tiện thủy đi lại trong các tình huống bất lợi nhằm đảm bảo an toàn và hạn chế ùn tắc giao thông đường thủy nội địa.

2. Chống va trôi là thực hiện các biện pháp hỗ trợ, giải pháp để ngăn ngừa sự cố đâm va vào các công trình và đâm va giữa các phương tiện.

3. Cứu nạn đường thủy nội địa là hoạt động cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, gồm cả việc sơ cứu hoặc các biện pháp khác để đưa người bị nạn trên đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa đến vị trí an toàn.

4. Luồng chạy tàu thuyền hạn chế là luồng hoặc đoạn luồng có kích thước về chiều rộng hoặc chiều sâu hoặc bán kính cong hoặc chiều cao tĩnh không nhỏ hơn cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp.”

2. Khoản 1 và khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Điều tiết không chế đảm bảo giao thông được thực hiện trên các tuyến đường thủy nội địa đối với vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông khi đáp ứng các điều kiện hạn chế quy định tại Điều 4 của Thông tư này.”;

“4. Điều tiết không chế đảm bảo giao thông kết hợp với chống va trôi trên các tuyến vận tải đường thủy chính tại các vị trí cầu đường bộ, đường sắt, với kích thước khoang thông thuyền nhỏ hơn quy định của cấp kỹ thuật đường thủy nội địa và là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong mùa bão, lũ hoặc trong khu vực có dòng chảy không ổn định với lưu tốc dòng chảy mặt ≥ 5 mét/giây.”

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Các biện pháp tổ chức công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, chống va trôi

1. Bảng báo hiệu đường thủy nội địa trong trường hợp luồng chạy tàu thuyền hạn chế có chiều rộng $\leq 1/2$ chiều rộng luồng theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp hiện tại và chiều dài từ 200 mét trở xuống.

2. Bảng 01 trạm điều tiết không chế kết hợp báo hiệu đường thủy nội địa trong trường hợp:

a) Luồng chạy tàu thuyền hạn chế có chiều rộng $\leq 1/2$ chiều rộng luồng theo quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp hiện tại và chiều dài trên 200 mét đến dưới 500 mét;

b) Luồng chạy tàu thuyền hạn chế có chiều rộng $> 1/2$ chiều rộng luồng theo quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp hiện tại và chiều dài từ 200 mét trở xuống.

3. Bảng 01 trạm điều tiết không chế kết hợp chống va trôi tại thượng lưu và báo hiệu đường thủy nội địa đối với các vị trí là điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trong giai đoạn mùa bão, lũ.

4. Bảng 02 trạm điều tiết không chế tại thượng lưu và hạ lưu kết hợp báo hiệu đường thủy nội địa trong trường hợp:

a) Luồng chạy tàu thuyền hạn chế có chiều rộng $\leq 1/2$ chiều rộng luồng theo quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp hiện tại và chiều dài từ 500 mét trở lên;

b) Luồng chạy tàu thuyền hạn chế có chiều rộng $> 1/2$ chiều rộng theo quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa được phân cấp hiện tại và chiều dài trên 200 mét;

c) Đối với các công trình vượt đường thủy nội địa chiều rộng luồng chạy tàu thuyền hạn chế $\geq 1/2$ chiều rộng luồng hoặc tính không thông thuyền hạn chế $\geq 1/2$ tính không công trình theo quy định.

5. Bảng 02 trạm điều tiết không chế và 01 trạm trung tâm (trừ trường hợp cấm luồng) làm nhiệm vụ chống va trôi trong trường hợp:

a) Thi công các hạng mục công trình nằm trong phạm vi luồng chạy tàu có thời gian thi công trên 5 ngày;

b) Vị trí cầu theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này trong giai đoạn mùa bão, lũ.”

4. Khoản 5 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Cứu nạn những trường hợp sự cố, tai nạn và những tình huống rủi ro khác có nguy cơ gây mất an toàn xảy ra trên khu vực điều tiết.”

5. Điểm c khoản 1 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Trạm trung tâm điều tiết không chế đảm bảo giao thông kết hợp chống va trôi đặt cách khu vực thi công công trình về phía thượng lưu không quá 200 mét.”

6. Điểm a khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Báo hiệu trên bờ tại một trạm điều tiết không chế đảm bảo giao thông bao gồm:

| STT | Báo hiệu | Số lượng |
|-----|--|----------|
| 1 | Báo hiệu cấm đỗ | 01 bộ |
| 2 | Báo hiệu điều khiển sự đi lại | 01 bộ |
| 3 | Báo hiệu chú ý nguy hiểm | 01 bộ |
| 4 | Báo hiệu cấm vượt | 01 bộ |
| 5 | Báo hiệu cấm tàu thuyền quay trở | 01 bộ |
| 6 | Báo hiệu quy định lai dắt (bao gồm một hoặc các loại báo hiệu: báo hiệu thông báo đoàn lai dắt bị hạn chế; báo hiệu thông báo chiều rộng đoàn lai dắt bị hạn | 01 bộ |

| | | |
|---|--|-------|
| | ché; báo hiệu thông báo chiều dài đoàn lái dắt bị hạn chế) | |
| 7 | Báo hiệu báo chiều cao tĩnh không bị hạn chế | 01 bộ |
| 8 | Báo hiệu báo chiều sâu luồng bị hạn chế | 01 bộ |
| 9 | Báo hiệu báo chiều rộng luồng bị hạn chế | 01 bộ |

Trường hợp thực hiện từ 02 trạm điều tiết trở lên, theo điều kiện thực tế có thể bố trí 01 bộ báo hiệu được phép neo đậu.”

7. Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Phương tiện, nhân lực điều tiết không chế đảm bảo giao thông

a) Mỗi trạm bố trí tối thiểu một tàu có công suất 33 sức ngựa đến 90 sức ngựa và tối thiểu một xuồng cao tốc (ca nô cao tốc) có công suất 25 sức ngựa đến 40 sức ngựa. Trường hợp khu vực cửa sông ra biển, tuyến luồng nối bờ ra đảo, tuyến luồng nối các đảo, tuyến luồng quy định cấp kỹ thuật đặc biệt có thể bố trí phương tiện có công suất lớn hơn nhưng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá ca máy phương tiện không quá 150 sức ngựa đối với tàu và 115 sức ngựa đối với xuồng cao tốc;

b) Định biên thuyền viên trên phương tiện được bố trí theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Nhân lực điều tiết không chế đảm bảo giao thông phải có nghiệp vụ, bố trí tối thiểu như sau: chỉ huy điều tiết (nhân công bậc 5 đến bậc 6): 01 người/ca; nhân viên trực tại mỗi trạm (nhân công bậc 3 đến bậc 4): 02 người/ca; lực lượng phối hợp tại mỗi trạm (khi cần thiết): 01 người/ca;

c) Các dụng cụ, thiết bị khác tối thiểu cho 01 trạm bao gồm: 01 bảng hiệu; 01 bộ loa nén; 01 cờ hiệu; 01 tủ thuốc cứu sinh; 01 bộ đàm (điện thoại); 02 đèn pin; 01 thước đo mực nước; 01 ống nhòm và dụng cụ cứu sinh theo quy định.

8. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Nội dung công tác chống va trôi

1. Triển khai phương tiện, thiết bị, nhân lực thường trực chống va trôi, cứu nạn theo phương án được duyệt.

2. Tổ chức hỗ trợ, cứu nạn hoặc phối hợp với các lực lượng khác cứu nạn khi có sự cố, tai nạn xảy ra.

3. Thông báo đến các cơ quan, tổ chức liên quan, các phương tiện giao thông qua lại biết địa điểm thường trực, hình thức, địa chỉ liên lạc và chức năng nhiệm vụ của trạm thường trực chống va trôi, cứu nạn.

4. Ghi chép sổ sách, nhật ký và báo cáo theo quy định.”

9. Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Phương tiện, nhân lực thường trực chống va trôi

a) Mỗi trạm thường trực bố trí tối thiểu một tàu có công suất 150 sức ngựa đến 250 sức ngựa và tối thiểu một xuồng cao tốc (ca nô cao tốc) có công suất 25 sức ngựa đến 40 sức ngựa. Trường hợp khu vực cửa sông ra biển, tuyến luồng nổi bờ ra đảo, tuyến luồng nổi các đảo, tuyến luồng quy định cấp kỹ thuật đặc biệt có thể bố trí phương tiện có công suất lớn hơn nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định theo phân cấp;

b) Định biên thuyền viên trên phương tiện được bố trí theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Nhân lực thường trực chống va trôi, hỗ trợ, cứu nạn phải có nghiệp vụ, bố trí tối thiểu như sau: chỉ huy thường trực chống va trôi (nhân công bậc 5 đến bậc 6): 01 người/ca; nhân viên thường trực chống va trôi (nhân công bậc 3 đến bậc 4): 05 người/ca;

c) Các dụng cụ, trang thiết bị tối thiểu cho 01 trạm bao gồm: 01 bảng hiệu trạm thường trực; 01 bộ loa nén/phương tiện; 01 cờ hiệu/phương tiện; 01 tủ thuốc cứu sinh; 01 bộ đàm (điện thoại)/phương tiện; 02 đèn pin; 01 ống nhòm và dụng cụ cứu sinh theo quy định;

10. Khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân có phương tiện bị chìm đắm phải áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố gây ô nhiễm môi trường và chịu toàn bộ chi phí trực vớt, thanh thải vật chướng ngại do phương tiện chìm đắm gây ra.”

11. Khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với đường thủy nội địa quốc gia

a) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xây dựng kế hoạch hàng năm về công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi trên đường thủy nội địa trình Bộ Giao thông vận tải xem xét phê duyệt để thực hiện;

Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo việc huy động phương tiện, nhân lực của các tổ chức, cá nhân đối với trường hợp đột xuất để thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật.

b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xem xét phê duyệt phương án công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi trên đường thủy nội địa theo kế hoạch đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện theo quy định;

c) Đối với trường hợp thi công, sửa chữa công trình, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực xem xét chấp thuận phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.”

12. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Công tác kiểm tra, giám sát

1. Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo việc thực hiện công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi và công tác điều tiết khống chế đảm bảo giao thông kết hợp chống va trôi trong mùa bão, lũ và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ủy quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất và giám sát công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi và công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông kết hợp chống va trôi trên đường thủy nội địa quốc gia.

3. Sở Giao thông vận tải hoặc cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và giám sát công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi và công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông kết hợp chống va trôi trên đường thủy nội địa địa phương.”

13. Khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Đối với công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông, công tác chống va trôi và công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông kết hợp chống va trôi trong trường hợp đột xuất phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm được cấp theo quy định.”

14. Bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Đối với công trình trên đường thủy nội địa được đầu tư xây dựng sau ngày 01 tháng 01 năm 2018 có kích thước khoang thông thuyền không bảo đảm theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 3 thì tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình phải chịu trách nhiệm và chi phí thực hiện biện pháp theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, ATGT (10b).



Trương Quang Nghĩa